

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

## [ Tổng hợp tiếng Nhật nâng cao ]

### Mã học phần: JAD33041 - Số tín chỉ: 03

Dùng cho (các) ngành: Ngôn ngữ Anh Nhật  
Điều kiện tiên quyết (nếu có): Tổng hợp tiếng Nhật 4  
Hình thức đào tạo: Trực tiếp/Trực tuyến  
Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

#### 1. Mô tả chung về học phần

Học phần Tổng hợp tiếng Nhật nâng cao 1 trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến ngôn ngữ Nhật thuộc trình độ cận trung cấp, cụ thể gồm bốn kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết phân bổ đan xen theo từng tuần. Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng nắm bắt và vận dụng 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết tương đương trình độ cận trung cấp; bước đầu nắm được cách thức so sánh đối chiếu ngôn ngữ, có khả năng nghiên cứu ngôn ngữ trong các tình huống đời thường. Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, và C4 của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Nhật

#### 2. Các chữ viết tắt:

*Không*

#### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mã | Chuẩn đầu ra học phần  |
|----|--|
| a1 | Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội cơ bản có liên quan trong các bài nghe, bài đọc hiểu dạng trung văn ở trình độ N3 và trường văn ở trình độ N4.                                  |
| a2 | Vận dụng được kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc câu vào đọc bài đọc; biết phân tích và sắp xếp ý tưởng hiệu quả để sáng tạo một bài văn đúng theo từng thể loại văn cụ thể.    |
| a3 | Vận dụng được các từ ngữ, mẫu câu và cách thức giao tiếp phù hợp để mô phỏng bài mẫu, trình bày hay tiến hành hội thoại, giao tiếp với các chủ đề cuộc sống và môi trường công ty. |
| b1 | Thể hiện thành thục các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ N4   |
| c1 | Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm  |

#### 4. Giáo trình và tài liệu học tập

##### 4.1. Giáo trình và tài liệu học tập:

- + 3A Corporation, Japan “みんなの日本語初級- やさしい作文”, スリー ネットワー, 2014
- + 橋本守、“初級からの日本語スピーチ”、国際交流基金関西国際センター、2006
- + 桑原里奈 – 木林理恵、“スピードマスタートド読解 N4”、Jリサーチ出版、2016

##### 4.2. Tài liệu tham khảo:

- + Tuyển tập đề thi N4 các năm từ năm 2010 do GV sưu tầm.

#### 5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần phải tham gia đầy đủ các tiết học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì được sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành các nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định
- Có đầy đủ tài liệu học tập
- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Làm bài tập về nhà và trên lớp đầy đủ, đạt kết quả.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về môn học, nâng cao vốn từ, trau dồi kỹ năng tự học, chăm chỉ, chủ động luyện tập để củng cố, nâng cao, mở rộng kiến thức.

## 6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

| Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá   | Hoạt động học tập của người học  |    |  |    | Chuẩn đầu ra   |
|--|--|----|--|----|----------------|
|  | Trên lớp   | ST | Tự học   | SG |                |
| <p>第 1 週</p> <p>1. 聴解: 問題紹介</p> <p>1.1. Khái quát về các dạng bài trong đề thi</p> <p>1.2. Bài tập nghe vận dụng</p> <p>2. 読解: 実戦練習 - 中文</p> <p>1+2+3</p> <p>2.1. Thảo luận, tra cứu từ vựng</p> <p>2.2. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, dịch</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi bài</li> <li>- Rèn kỹ năng nghe</li> <li>- Luyện đọc và dịch</li> <li>- Tương tác với giáo viên và các bạn.</li> </ul>  | 3  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước</li> <li>- Làm bài tập được giao</li> <li>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</li> </ul>                                      | 9  | a1, a2, b1, c1 |
| <p>第 2 週</p> <p>1. Thảo luận, lên ý tưởng viết về chủ đề 手紙</p> <p>2. 作文: 手紙</p> <p>3. スピーチ: 手紙</p> <p>4. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi bài</li> <li>- Luyện viết câu và viết bài văn ngắn</li> <li>- Luyện nói, thuyết trình theo chủ đề</li> <li>- Trả lời câu hỏi của giáo viên và các bạn.</li> </ul> | 3  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</li> <li>- Ôn tập bài cũ</li> <li>- Làm bài tập được giao</li> <li>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</li> </ul> | 9  | a2, a3, b1, c1 |
| <p>第 3 週</p> <p>1. 聴解: 日本語の音に慣れる</p> <p>1.1. Những điều cần chú ý khi nghe phát âm tiếng Nhật</p> <p>1.2. Bài tập nghe vận dụng</p> <p>2. 読解: 実戦練習 - 中文</p> <p>4+5+6</p> <p>2.1. Thảo luận, tra cứu từ vựng</p>                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi bài</li> <li>- Rèn kỹ năng nghe</li> <li>- Luyện đọc và dịch</li> <li>- Tương tác với giáo viên và các bạn.</li> </ul>  | 3  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</li> <li>- Ôn tập bài cũ</li> <li>- Làm bài tập được giao</li> <li>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</li> </ul> | 9  | a1, a2, b1, c1 |

|   |  |   |  |   |                    |
|---|--|---|--|---|--------------------|
| 2.2. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, dịch  |  |   |  |   |                    |
| 第 4 週<br>1. Thảo luận, lên ý tưởng viết về chủ đề 有名な人<br>2. 作文: 有名な人<br>3. スピーチ: 有名な人<br>4. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm  | - Nghe giảng, ghi bài<br>- Luyện viết câu và viết bài văn ngắn<br>- Luyện nói, thuyết trình theo chủ đề<br>- Trả lời câu hỏi của giáo viên và các bạn. | 3 | - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp<br>- Ôn tập bài cũ<br>- Làm bài tập được giao<br>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet | 9 | a2, a3, b1, c1     |
| 第 5 週<br>1. 聴解: 「発話表現」のスキルを学ぶ<br>1.1. Những điều cần chú ý khi làm dạng bài「発話表現」<br>1.2. Bài tập nghe vận dụng<br>2. 読解: 実戦練習 - 長文 1<br>2.1. Thảo luận, tra cứu từ vựng<br>2.2. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, dịch                  | - Nghe giảng, ghi bài<br>- Rèn kỹ năng nghe<br>- Luyện đọc và dịch<br>- Tương tác với giáo viên và các bạn.  | 3 | - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp<br>- Ôn tập bài cũ<br>- Làm bài tập được giao<br>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet | 9 | a1, a2, b1, c1     |
| 第 6 週<br>Ôn tập   | Ôn tập lại các dạng bài, từ vựng, cấu trúc   | 1 | - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp<br>- Ôn tập bài cũ<br>- Làm bài tập được giao   | 3 | a1, a2, a3, b1, c1 |
| Đánh giá 1: 15%<br><i>Kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết.<br/>Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng, cấu trúc, chữ Hán, kỹ năng đã học và đã rèn luyện vào bài kiểm tra nghe, đọc, viết và trả lời vấn đáp của GV.</i> | - Nghiêm túc làm bài đánh giá theo hình thức trắc nghiệm, tự luận theo thời gian quy định  | 2 | - Ôn tập các kiến thức đã học  | 6 | a1, a2, a3, b1, c1 |
| 第 7 週<br>1. 聴解: 「即時応答」のスキルを学ぶ<br>1.1. Những điều cần chú ý khi làm dạng bài「即時応答」   | - Nghe giảng, ghi bài<br>- Rèn kỹ năng nghe<br>- Luyện đọc và dịch   | 3 | - Chuẩn bị bài trước<br>- Làm bài tập được giao<br>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet                                | 9 | a1, a2, b1, c1     |

|  |  |   |  |   |                |
|--|--|---|--|---|----------------|
| 1.2. Bài tập nghe vận dụng<br>2. 読解: 実戦練習 - 長文 2<br>2.1. Thảo luận, tra cứu từ vựng<br>2.2. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, dịch  | - Tương tác với giáo viên và các bạn.  |   |  |   |                |
| 第 8 週<br>1. Thảo luận, lên ý tưởng viết về chủ đề 国との比較: 交通<br>2. 作文: 国との比較: 交通<br>3. スピーチ: 国との比較: 交通<br>4. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm  | - Nghe giảng, ghi bài<br>- Luyện viết câu và viết bài văn ngắn<br>- Luyện nói, thuyết trình theo chủ đề<br>- Trả lời câu hỏi của giáo viên và các bạn. | 3 | - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp<br>- Ôn tập bài cũ<br>- Làm bài tập được giao<br>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet | 9 | a2, a3, b1, c1 |
| 第 9 週<br>1. 聴解: 「課題理解」のスキルを学ぶ<br>1.1. Những điều cần chú ý khi làm dạng bài「課題理解」<br>1.2. Bài tập nghe vận dụng<br>2. 読解: 実戦練習 - 長文 3<br>2.1. Thảo luận, tra cứu từ vựng<br>2.2. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, dịch | - Nghe giảng, ghi bài<br>- Rèn kỹ năng nghe<br>- Luyện đọc và dịch<br>- Tương tác với giáo viên và các bạn.  | 3 | - Chuẩn bị bài trước<br>- Làm bài tập được giao<br>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet                                | 9 | a1, a2, b1, c1 |
| 第 10 週<br>1. Thảo luận, lên ý tưởng viết về chủ đề スマートフォン<br>2. 作文: スマートフォン<br>3. スピーチ: スマートフォン<br>4. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm   | - Nghe giảng, ghi bài<br>- Luyện viết câu và viết bài văn ngắn<br>- Luyện nói, thuyết trình theo chủ đề<br>- Trả lời câu hỏi của giáo viên và các bạn. | 3 | - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp<br>- Ôn tập bài cũ<br>- Làm bài tập được giao<br>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet | 9 | a2, a3, b1, c1 |
| 第 11 週<br>1. 聴解: 「ポイント理解」のスキルを学ぶ   | - Nghe giảng, ghi bài<br>- Rèn kỹ năng nghe<br>- Luyện đọc và dịch   | 3 | - Chuẩn bị bài trước<br>- Làm bài tập được giao<br>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua  | 9 | a1, a2, b1, c1 |

|   |   |   |   |   |                    |
|---|---|---|---|---|--------------------|
| <p>1.1. Những điều cần chú ý khi làm dạng bài「ポイント理解」</p> <p>1.2. Bài tập nghe vận dụng</p> <p>2. 読解: 実戦練習 - 長文 4</p> <p>2.1. Thảo luận, tra cứu từ vựng</p> <p>2.2. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, dịch</p>          | <p>- Tương tác với giáo viên và các bạn.</p>  |   | <p>các sách, từ điển, internet</p>  |   |                    |
| <p>第 12 週</p> <p>1. Thảo luận, lên ý tưởng viết về chủ đề 習慣の違い</p> <p>2. 作文: 習慣の違い</p> <p>3. スピーチ: 習慣の違い</p> <p>4. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm</p>   | <p>- Nghe giảng, ghi bài</p> <p>- Luyện viết câu và viết bài văn ngắn</p> <p>- Luyện nói, thuyết trình theo chủ đề</p> <p>- Trả lời câu hỏi của giáo viên và các bạn.</p> | 3 | <p>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>- Ôn tập bài cũ</p> <p>- Làm bài tập được giao</p> <p>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</p> | 9 | a2, a3, b1, c1     |
| <p>第 13 週</p> <p>1. 聴解:</p> <p>1.1. Nghe đề mẫu 模擬テスト</p> <p>1.2. Chữa đề chi tiết</p> <p>2. 読解: 実戦練習 - 長文 5+6</p> <p>2.1. Thảo luận, tra cứu từ vựng</p> <p>2.2. Đọc hiểu, trả lời câu hỏi, dịch</p>             | <p>- Nghe giảng, ghi bài</p> <p>- Rèn kỹ năng nghe</p> <p>- Luyện đọc và dịch</p> <p>- Tương tác với giáo viên và các bạn.</p>  | 3 | <p>- Chuẩn bị bài trước</p> <p>- Làm bài tập được giao</p> <p>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</p>                                    | 9 | a2, b1, c1         |
| <p>第 14 週</p> <p>1. Thảo luận, lên ý tưởng viết về chủ đề 文化の違い</p> <p>2. 作文: 文化の違い</p> <p>3. スピーチ: 文化の違い</p> <p>4. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm</p>   | <p>- Nghe giảng, ghi bài</p> <p>- Rèn kỹ năng nghe</p> <p>- Tương tác với giáo viên và các bạn.</p>   | 3 | <p>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>- Ôn tập bài cũ</p> <p>- Làm bài tập được giao</p>   | 9 | a1, a2, b1, c1     |
| <p>Đánh giá 2: 15%</p> <p><i>Kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết.</i></p> <p><i>Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng, cấu trúc, chữ Hán, kỹ năng đã học và đã rèn luyện vào bài kiểm tra nghe,</i></p> | <p>Nghiêm túc làm bài kiểm tra tự luận (nghe, đọc, viết) và vấn đáp theo thời gian quy định</p>   | 2 | <p>Ôn tập các kiến thức đã học</p>  | 6 | a1, a2, a3, b1, c1 |

|   |  |           |  |            |        |
|---|--|-----------|--|------------|--------|
| <i>đọc, viết và trả lời vấn đáp của GV.</i> |  |           |  |            |        |
| Tổng kết học phần                           | Tổng kết lại các lưu ý, các mẹo và kỹ năng làm bài | 1         |  | 3          | b1, c1 |
| <b>Tổng số tiết/giờ học</b>                 |  | <b>45</b> |  | <b>135</b> |        |

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

## 7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

| Phân loại         | Phương pháp đánh giá                 | Tỷ trọng | Chuẩn đầu ra |    |    |    |    |
|-------------------|--------------------------------------|----------|--------------|----|----|----|----|
|                   |                                      |          | a1           | a2 | a3 | b1 | c2 |
| Quá trình         | ĐG1. Trắc nghiệm + Tự luận+ Vấn đáp  | 25%      | x            | x  | x  | x  | x  |
|                   | ĐG2. Trắc nghiệm + Tự luận + Vấn đáp | 25%      | x            | x  | x  | x  | x  |
| Kết thúc học phần | ĐG3. Bài thi kết thúc học phần       | 50%      | x            | x  | x  | x  | x  |
| <i>Tổng cộng:</i> |                                      | 100%     |              |    |    |    |    |

### 8. 1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, a3, b1, c1 - Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận+ vấn đáp

- Mô tả bài đánh giá: bài đánh giá 1 kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết.

Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán đã học vào bài kiểm tra nghe, đọc, viết và trả lời vấn đáp của GV.

- **Ma trận đánh giá:**

| Tiêu chí đánh giá  | Khung điểm   |                  |                           |                        |                      |
|--|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------|
|  | A            | B                | C                         | D                      | F                    |
|  | 8,5 ÷ 10     | 7,0 ÷ 8,4        | 5,5 ÷ 6,9                 | 4,0 ÷ 5,4              | < 4,0                |
| a1_Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội cơ bản có liên quan trong các bài nghe, bài đọc hiểu dạng trung văn ở trình độ N3 và trường văn ở trình độ N4.                               | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế |
| a2_Vận dụng được kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc câu vào đọc bài đọc; biết phân tích và sắp xếp ý tưởng hiệu quả để sáng tạo một bài văn đúng theo từng thể loại văn cụ thể. | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế |
| a3_Vận dụng được các từ ngữ, mẫu câu và cách thức giao tiếp phù hợp để mô phỏng bài mẫu, trình bày hay tiến hành hội thoại, giao tiếp với các chủ đề                               | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế |

| Tiêu chí đánh giá  | Khung điểm   |                  |                           |                        |                            |
|--|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|
|  | A            | B                | C                         | D                      | F                          |
|  | 8,5 ÷<br>10  | 7,0 ÷<br>8,4     | 5,5 ÷ 6,9                 | 4,0 ÷ 5,4              | < 4,0                      |
| cuộc sống và môi trường công ty.   |              |                  |                           |                        |                            |
| b1_Thể hiện thành thục các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ N4                  | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| c1_Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

**8. 2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, a3, b1, c1 - Tỷ lệ: 25% điểm học phần**

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận+ vấn đáp
- Mô tả bài đánh giá: bài đánh giá 2 kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết.

Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán đã học vào bài kiểm tra nghe, đọc, viết và trả lời vấn đáp của GV.

**- Ma trận đánh giá:**

| Tiêu chí đánh giá   | Khung điểm   |                  |                           |                        |                            |
|---|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|
|   | A            | B                | C                         | D                      | F                          |
|   | 8,5 ÷<br>10  | 7,0 ÷<br>8,4     | 5,5 ÷ 6,9                 | 4,0 ÷ 5,4              | < 4,0                      |
| a1_Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội cơ bản có liên quan trong các bài nghe, bài đọc hiểu dạng trung văn ở trình độ N3 và trường văn ở trình độ N4.                                  | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế       |
| a2_Vận dụng được kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc câu vào đọc bài đọc; biết phân tích và sắp xếp ý tưởng hiệu quả để sáng tạo một bài văn đúng theo từng thể loại văn cụ thể.    | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế       |
| a3_Vận dụng được các từ ngữ, mẫu câu và cách thức giao tiếp phù hợp để mô phỏng bài mẫu, trình bày hay tiến hành hội thoại, giao tiếp với các chủ đề cuộc sống và môi trường công ty. | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế       |
| b1_Thể hiện thành thục các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ N4   | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

| Tiêu chí đánh giá  | Khung điểm   |                  |                           |                        |                            |
|--|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|
|  | A            | B                | C                         | D                      | F                          |
|  | 8,5 ÷ 10     | 7,0 ÷ 8,4        | 5,5 ÷ 6,9                 | 4,0 ÷ 5,4              | < 4,0                      |
| c1_Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

### 8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

#### Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận + Vấn đáp
- Mục đích:
  - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe hiểu cơ bản của người học
  - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học để mô tả và đọc, dịch, viết được các bài văn ngắn, đơn giản về các chủ đề
  - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp trong giao tiếp các đoạn hội thoại ngắn trong đời sống hàng ngày
  - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
  - o Đánh giá khả năng làm việc nhóm.

#### Thi vấn đáp gồm 2 phần:

Phần 1: trả lời 5 câu hỏi của giáo viên về 1 trong các chủ đề đã học. Mỗi câu trả lời đúng được 2 điểm, tổng số điểm phần này là 10.

Phần 2: Bộc thăm chủ đề và hội thoại theo cặp đôi. Tổng số điểm là 10.

#### Phần thi viết:

Bài thi gồm 2 phần Trắc nghiệm + Tự luận bao gồm các kỹ năng: nghe, đọc, viết:

- Nghe: 20 câu : 6 câu dạng bài 発話表現, 6 câu dạng bài 課題理解, 3 câu dạng bài ポイント理解, 5 câu dạng bài 即時応答 (tổng 20 điểm)
- Đọc: 3 bài đọc trung văn N4, 2 bài đọc trường văn N4 (tổng 30 điểm)
- Viết: Tự luận: viết 5 câu hoàn chỉnh dựa trên các từ cho sẵn (tổng 10 điểm)
- Viết đoạn văn gồm 10 câu theo chủ đề (tổng 20 điểm)

Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 100 và qui ra thang điểm 10.

Chuẩn đầu ra: a1;a2;b1;c1.

#### - Ma trận đánh giá:

| Tiêu chí đánh giá  | Khung điểm   |                  |                           |                        |                      |
|--|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------|
|  | A            | B                | C                         | D                      | F                    |
|  | 8,5 ÷ 10     | 7,0 ÷ 8,4        | 5,5 ÷ 6,9                 | 4,0 ÷ 5,4              | < 4,0                |
| a1_Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội cơ bản có liên quan trong các bài nghe, bài đọc hiểu dạng trung văn ở trình độ N3 và trường văn ở trình độ N4. | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế |



| Tiêu chí đánh giá   | Khung điểm   |                  |                           |                        |                            |
|---|--------------|------------------|---------------------------|------------------------|----------------------------|
|   | A            | B                | C                         | D                      | F                          |
|   | 8,5 ÷ 10     | 7,0 ÷ 8,4        | 5,5 ÷ 6,9                 | 4,0 ÷ 5,4              | < 4,0                      |
| a2_Vận dụng được kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc câu vào đọc bài đọc; biết phân tích và sắp xếp ý tưởng hiệu quả để sáng tạo một bài văn đúng theo từng thể loại văn cụ thể.    | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế       |
| a3_Vận dụng được các từ ngữ, mẫu câu và cách thức giao tiếp phù hợp để mô phỏng bài mẫu, trình bày hay tiến hành hội thoại, giao tiếp với các chủ đề cuộc sống và môi trường công ty. | Vận dụng tốt | Vận dụng khá tốt | Vận dụng ở mức trung bình | Vận dụng ở mức hạn chế | Vận dụng rất hạn chế       |
| b1_Thể hiện thành thực các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ N4   | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |
| c1_Thể hiện năng lực làm việc độc lập, năng lực tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm  | Thể hiện tốt | Thể hiện khá tốt | Thể hiện ở mức trung bình | Thể hiện ở mức hạn chế | Thể hiện ở mức rất hạn chế |

#### 8.4 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

$$\Sigma = \frac{\text{Đánh giá 1} * 25\% + \text{Đánh giá 2} * 25\% + \text{bài kiểm tra cuối kì} * 50\%}{100}$$

### 9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):  
Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:  
+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa  
+ projector  
+ Loa, Đài cassette  
+ Lớp học không quá 35 sinh viên
- Yêu cầu đối với sinh viên:  
+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.  
+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.  
+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

### 10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Giảng viên và sinh viên tuân thủ các quy định về lớp học; quy định về an toàn phòng chống cháy nổ; quy định về phòng thực hành tiếng và các quy định khác của nhà trường và khoa.

### 11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số tiết. Nếu nghỉ từ 10%-20% sẽ bị trừ vào điểm chuyên cần. Nếu nghỉ 30% trở lên, sinh viên phải học lại học phần này.

Làm bài tập được giao đầy đủ, đúng hạn. Nếu không đúng hạn sẽ bị trừ 1 điểm vào 1 bài đánh giá.

Trong lớp không mất trật tự, nếu mất trật tự gây ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học sẽ bị trừ 1 điểm vào bài kiểm tra hết môn.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng  
xây dựng CTĐT ngành**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng .... năm 202....*

**Người biên soạn**

**TS. Trần Thị Ngọc Liên**

**ThS. Phạm Thị Hoàng Điệp**